

BỘ XÂY DỰNG
Số: 01/2000/TT-BXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 3 năm 2000

THÔNG TƯ

Hướng dẫn các hình thức quản lý thực hiện dự án đầu tư và xây dựng và đăng ký hoạt động xây dựng

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 04/3/1994 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng.

Căn cứ Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ.

Bộ Xây dựng hướng dẫn các hình thức quản lý thực hiện dự án và đăng ký hoạt động xây dựng như sau:

I. CÁC HÌNH THỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

1. Các hình thức quản lý thực hiện dự án:

1.1. Theo quy định tại Điều 59 của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng 52/CP): Tùy theo quy mô, tính chất của dự án và năng lực của mình, Chủ đầu tư lựa chọn một trong các hình thức sau đây để quản lý thực hiện dự án:

Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án

Chủ nhiệm điều hành dự án

Chiếm đoạt trao tay

Tự thực hiện dự án

1.2. Việc tổ chức hoạt động và đăng ký hoạt động xây dựng của các hình thức quản lý dự án thực hiện theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng 52/CP và Thông tư này.

1.3. Chi phí quản lý dự án thực hiện theo Thông tư số 08/1999/TTBXD ngày 16/11/1999 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Trách nhiệm về quản lý thực hiện dự án:

2.1. Chủ đầu tư dù áp dụng hình thức nào để quản lý thực hiện dự án vẫn phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và người có thẩm quyền quyết định đầu tư về quá trình thực hiện dự án.

2.2.Tổ chức quản lý thực hiện dự án chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật theo nhiệm vụ được Chủ đầu tư giao hoặc hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư. Khi thay đổi tổ chức quản lý thực hiện dự án thì tổ chức mới phải chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ công việc của tổ chức quản lý cũ.

3. Hình thức Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án:

3.1.Hình thức này được áp dụng đối với các Chủ đầu tư có đủ năng lực chuyên môn để quản lý thực hiện dự án.

3.2.Chủ đầu tư được sử dụng bộ máy có đủ năng lực chuyên môn của mình và cử người phụ trách để quản lý thực hiện dự án mà không cần lập Ban Quản lý dự án.

3.3.Trường hợp bộ máy của Chủ đầu tư không đủ điều kiện để kiêm nhiệm việc quản lý thực hiện dự án thì Chủ đầu tư lập Ban quản lý dự án trực thuộc mình, có đủ năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để quản lý thực hiện dự án. Ban Quản lý dự án trong trường hợp này là đơn vị trực thuộc Chủ đầu tư, thực hiện các nhiệm vụ do Chủ đầu tư giao.

Cơ cấu tổ chức của Ban quản lý dự án và Trưởng ban quản lý dự án do Chủ đầu tư quyết định. Sau khi dự án đã hoàn thành thì Ban quản lý dự án phải được giải thể.

3.4.Nhiệm vụ của Ban quản lý dự án:

Căn cứ trách nhiệm, quyền hạn của Chủ đầu tư quy định tại Điều 14 của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng 52/CP, Chủ đầu tư giao nhiệm vụ cho Ban quản lý dự án trên nguyên tắc sau đây:

Nhiệm vụ, quyền hạn được giao để thực hiện các yêu cầu về quản lý thực hiện dự án phải rõ ràng; phù hợp với điều lệ hoạt động, nguyên tắc tổ chức của Chủ đầu tư và các quy định của pháp luật.

Ban quản lý dự án phải thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên với Chủ đầu tư. Chủ đầu tư phải thực hiện việc kiểm tra hoạt động của Ban quản lý dự án và có trách nhiệm xử lý kịp thời những vấn đề vượt thẩm quyền của Ban quản lý dự án để đảm bảo tiến độ và yêu cầu của dự án.

3.5.Yêu cầu về năng lực của Ban quản lý dự án:

Ban quản lý dự án phải có lực lượng chuyên môn phù hợp để quản lý thực hiện dự án và phải đăng ký hoạt động tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trưởng ban quản lý dự án nhóm A, B phải có trình độ đại học trở lên, chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ quản lý thực hiện dự án và phải qua các lớp đào tạo về quản lý dự án.

4. Hình thức Chủ nhiệm điều hành dự án:

4.1.Chủ đầu tư không đủ điều kiện để trực tiếp quản lý thực hiện dự án thì phải giao cho Ban quản lý điều hành dự án chuyên ngành làm Chủ nhiệm điều hành dự án hoặc thuê tổ chức có năng lực chuyên môn phù hợp để quản lý điều hành dự án. Chủ nhiệm điều hành dự án là một pháp nhân độc lập, có năng lực và có đăng ký hoạt động xây dựng.

4.2. Hình thức Chủ nhiệm điều hành dự án áp dụng đối với các trường hợp sau:

a. Các dự án do Chính phủ giao cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh quản lý thực hiện; Các dự án do UBND cấp tỉnh giao cho các Sở, Quận, Huyện thực hiện; Các dự án đặc biệt quan trọng do Thủ tướng Chính phủ quyết định; Các cơ quan nói trên giao cho Ban quản lý dự án chuyên ngành trực tiếp quản lý điều hành dự án.

b. Các dự án khác, Chủ đầu tư không có điều kiện trực tiếp quản lý thực hiện dự án thì Chủ đầu tư phải thuê tổ chức chuyên môn có đủ năng lực để quản lý điều hành dự án. Tổ chức quản lý điều hành dự án trong trường hợp này gọi là "Tư vấn quản lý điều hành dự án".

4.3. Nội dung quản lý điều hành dự án:

a. Ban quản lý điều hành dự án thực hiện các nội dung quản lý theo nhiệm vụ được giao.

b. Tư vấn quản lý điều hành dự án thực hiện các nội dung quản lý theo hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư.

4.4. Yêu cầu về năng lực đối với hình thức Chủ nhiệm điều hành dự án:

a. Ban quản lý điều hành dự án và Giám đốc Ban quản lý điều hành dự án phải có năng lực tối thiểu như quy định đối với Ban quản lý dự án và Trưởng ban quản lý dự án tại mục 3.5 ở trên.

b. Tư vấn quản lý điều hành dự án chỉ được nhận thầu quản lý điều hành các dự án phù hợp với năng lực của mình đã đăng ký hoạt động xây dựng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Hình thức Chìa khoá trao tay:

5.1. Hình thức Chìa khoá trao tay được áp dụng khi Chủ đầu tư được phép tổ chức đấu thầu để lựa chọn nhà thầu thực hiện tổng thầu toàn bộ dự án từ khảo sát, thiết kế, mua sắm vật tư thiết bị, xây lắp cho đến khi bàn giao công trình đưa dự án vào khai thác sử dụng.

Đối với các dự án sử dụng các nguồn vốn quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng 52/CP thì hình thức này chỉ áp dụng đối với dự án nhóm C, các trường hợp khác phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

5.2. Chủ đầu tư có trách nhiệm:

a. Lựa chọn tư vấn để thực hiện công việc chuẩn bị đầu tư cho đến khi dự án được phê duyệt và tổ chức đấu thầu.

b. Thực hiện hợp đồng đã ký với nhà thầu.

c. Đảm bảo vốn để thanh toán theo kế hoạch và hợp đồng kinh tế.

d. Tổ chức việc giải phóng mặt bằng và bàn giao mặt bằng cho nhà thầu theo quy định của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng 52/CP.

e. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác của Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật.

5.3. Nhà thầu có trách nhiệm:

- a. Thực hiện hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư, chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng, khối lượng của công trình, dự án và các quy định khác trong hợp đồng.
- b. Trường hợp có giao thầu lại cho các thầu phụ thì phải thực hiện đúng cam kết trong hồ sơ dự thầu và hợp đồng.
- c. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về chất lượng công trình và quá trình thực hiện dự án cho đến khi bàn giao cho Chủ đầu tư khai thác, vận hành dự án; thực hiện bảo hành công trình và các chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

6. Hình thức Tự thực hiện dự án:

6.1. Chủ đầu tư có đủ năng lực hoạt động sản xuất, xây dựng, quản lý phù hợp với yêu cầu thực hiện dự án thì được áp dụng hình thức Tự thực hiện dự án.

Hình thức này áp dụng đối với:

Dự án sử dụng vốn hợp pháp của chính Chủ đầu tư gồm vốn tự có (là vốn tích lũy từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp), vốn tự vay trả không có bảo lãnh của Nhà nước, vốn huy động từ các nguồn khác; Các công việc duy tu bảo dưỡng thường xuyên các công trình xây dựng, các thiết bị sản xuất; Các công việc chăm sóc cây trồng hàng năm.

6.2. Khi thực hiện hình thức Tự thực hiện dự án (tự sản xuất, tự xây dựng), Chủ đầu tư phải tổ chức giám sát chặt chẽ việc sản xuất, xây dựng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, chất lượng công trình xây dựng.

6.3. Chủ đầu tư có thể sử dụng bộ máy quản lý của mình hoặc sử dụng Ban quản lý dự án trực thuộc để quản lý thực hiện dự án, tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm và công trình xây dựng.

II. ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

1. Đối tượng đăng ký hoạt động xây dựng:

1.1. Theo quy định tại các Điều 14, 15, 16 của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP của Chính phủ, các tổ chức, doanh nghiệp dưới đây phải đăng ký hoạt động xây dựng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

- a. Các Tổ chức quản lý thực hiện dự án theo bốn hình thức quản lý dự án; trường hợp Chủ đầu tư sử dụng bộ máy của mình để trực tiếp quản lý thực hiện dự án thì Chủ đầu tư đăng ký.
- b. Các tổ chức tư vấn đầu tư xây dựng quy định tại Điều 15 và các doanh nghiệp xây dựng quy định tại Điều 16 của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng 52/CP.

1.2. Các nhà thầu nước ngoài trúng thầu, các công ty 100% vốn nước ngoài, các công ty liên doanh giữa Việt Nam và nước ngoài, hoạt động xây dựng tại Việt Nam đăng ký hoạt động xây dựng theo quy định

riêng.

1.3.Các doanh nghiệp thực hiện đăng ký hoạt động xây dựng trước khi đăng ký kinh doanh về xây dựng, tư vấn đầu tư xây dựng;

Các tổ chức quản lý thực hiện dự án trước khi hoạt động phải đăng ký hoạt động xây dựng theo Thông tư này;

Trong quá trình hoạt động nếu có thay đổi năng lực hoặc mở rộng quy mô, lĩnh vực hoạt động xây dựng thì phải bổ sung đăng ký.

1.4.Trách nhiệm của đối tượng đăng ký:

a. Hoàn thiện bản đăng ký hoạt động xây dựng và chịu trách nhiệm về những nội dung đăng ký của mình; gửi bản đăng ký hoạt động xây dựng tới cơ quan có thẩm quyền để xác nhận; nộp lệ phí theo qui định của pháp luật.

b. Các tổ chức, doanh nghiệp không hoạt động xây dựng ngoài phạm vi đã đăng ký.

2. Cơ quan có thẩm quyền quản lý việc đăng ký hoạt động xây dựng:

2.1.Bộ Xây dựng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức đăng ký hoạt động xây dựng trong phạm vi cả nước; Trực tiếp tổ chức đăng ký hoạt động xây dựng đối với các tổ chức quản lý thực hiện dự án, các tổ chức tư vấn đầu tư xây dựng, các doanh nghiệp có hoạt động xây dựng thuộc các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội và các tổ chức xã hội khác, các Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

2.2.Sở Xây dựng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức đăng ký hoạt động xây dựng đối với các tổ chức quản lý thực hiện dự án, các tổ chức tư vấn đầu tư xây dựng, các doanh nghiệp có hoạt động xây dựng ngoài các đối tượng nêu tại mục 2.1 ở trên và các đối tượng khác do địa phương thành lập và trực tiếp quản lý, theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

2.3.Trách nhiệm của cơ quan quản lý việc đăng ký hoạt động xây dựng:

a. Cung cấp mẫu đăng ký, tổ chức đăng ký hoạt động xây dựng theo đúng qui định;

b. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện đăng ký hoạt động xây dựng, phát hiện các vi phạm, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị xử lý theo pháp luật.

c. Báo cáo định kỳ 6 tháng và một năm theo mẫu tại Phụ lục số 2; Sở Xây dựng các địa phương báo cáo về Bộ Xây dựng, Bộ Xây dựng tổng hợp báo cáo Chính phủ.

3. Thủ tục đăng ký hoạt động xây dựng:

Các tổ chức, doanh nghiệp đăng ký hoạt động xây dựng theo mẫu tại phụ lục số 1 của Thông tư này.